

Số: 09/QĐ-THPTLH

Lộc Quang, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước Năm 2026.

- Căn cứ vào Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ vào thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ.
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ
- Căn cứ Quyết định số 10622/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường THPT Lộc Hiệp (Theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, văn phòng và các cá nhân liên quan thực hiện quyết định này./..

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Toàn

Số: 10622 /QĐ-SGDĐT

Đồng Nai, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước –
chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2026**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 74/2025/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-STC ngày 12/12/2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho các đơn vị dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 (theo phụ lục đính kèm).

Tiếp tục thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).

Điều 2. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị (theo phụ lục đính kèm).

Căn cứ dự toán năm 2026 được giao các đơn vị tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương trong năm 2026 từ nguồn thu thực hiện trích 40% số thu dịch vụ (từ khai thác tài sản công và sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê liên doanh, liên kết) thu được trong năm (sau khi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước theo quy định); nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2025 còn dư chuyển sang năm 2026 (nếu có).

Điều 3. Các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Thực hiện công khai dự toán theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực XVII;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Đăng Bảo Linh

Chương 422.

Số thứ tự	Nội dung	THPT Nguyễn Huệ A	THCS&THPT Mạnh Hưng	THPT Lạc Hiệp	THPT Thống Nhất B	THPT Đa Kì	THPT Chu Văn An A	THPT Phước Bình	THPT Ngõ Quyển A	THPT Hùng Vương	THPT Trần Phủ A
4		<i>B</i>	<i>B1</i>	<i>B2</i>	<i>B3</i>	<i>B4</i>	<i>B5</i>	<i>B6</i>	<i>B7</i>	<i>B8</i>	<i>B9</i>
1	II. DỰ TOÁN CHI NGUỒN SÁCH:	16.596.840.000	27.754.095.000	13.261.475.000	12.671.150.000	15.087.665.000	17.042.680.000	28.735.390.000	12.381.950.000	26.894.670.000	11.339.905.000
2	A. Chi Quản lý nhà nước (Loại 340 Khoản 341)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	1. Kinh phí thực hiện tự chủ (M1 nguồn 13)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	- Chi con người	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	- Chi hoạt động	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	- Bên chế chi trả trực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	2. Kinh phí không thực hiện tự chủ (M1 nguồn 18)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	- Kinh phí theo chương trình Nghị định 73/2014/NĐ-CP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	- Chi lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	B. Chi lợi nhuận	16.596.840.000	27.754.095.000	13.261.475.000	12.671.150.000	15.087.665.000	17.042.680.000	28.735.390.000	12.381.950.000	26.894.670.000	11.339.905.000
11	1. Sản phẩm giáo dục - Đào tạo	16.596.840.000	27.754.095.000	13.261.475.000	12.671.150.000	15.087.665.000	17.042.680.000	28.735.390.000	12.381.950.000	26.894.670.000	11.339.905.000
12	a. Loại 070 Khoản 074	14.716.000.000	23.036.000.000	11.343.500.000	11.219.000.000	12.887.500.000	14.050.000.000	24.768.000.000	11.424.500.000	22.865.000.000	10.576.500.000
13	- Chi con người	12.976.000.000	18.719.000.000	9.539.000.000	9.638.000.000	11.092.000.000	11.980.000.000	21.987.000.000	9.815.000.000	20.031.000.000	9.033.000.000
14	- Chi hoạt động	1.674.000.000	2.997.000.000	1.606.500.000	1.449.000.000	1.795.500.000	1.674.000.000	2.781.000.000	1.543.500.000	2.700.000.000	1.543.500.000
15	- Kinh phí thực hiện tự chủ (M1 nguồn 13)	66.000.000	1.320.000.000	198.000.000	132.000.000	0	396.000.000	0	66.000.000	132.000.000	0
16	- Kinh phí thực hiện tự chủ (M1 nguồn 13)	66.000.000	1.320.000.000	198.000.000	132.000.000	0	396.000.000	0	66.000.000	132.000.000	0
17	b. Loại 070 Khoản 075										
18	- Chi con người										
19	- Chi hoạt động										
20	- Chi hoạt động										
21	- Kinh phí thực hiện tự chủ (M1 nguồn 13)										
22	2. Kinh phí không thực hiện tự chủ (M1 nguồn 13)	1.880.840.000	4.718.095.000	1.917.975.000	1.452.150.000	2.200.165.000	2.992.680.000	3.967.390.000	957.450.000	4.029.670.000	763.405.000
23	a. Loại 070 Khoản 072, 071, 074, 075	1.077.840.000	2.915.215.000	1.096.475.000	392.150.000	1.098.965.000	2.029.080.000	2.759.420.000	324.310.000	2.753.970.000	191.475.000
24	- Kinh phí thực hiện tự chủ (M1 nguồn 13)		143.600.000	0	0	169.865.000	122.680.000		178.960.000	73.170.000	0
25	- Kinh phí chi trả theo chế độ của Trường Phổ thông Dân tộc nội trú, trường THPT chuyên, Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh										
26	- Kinh phí tham quan học tập hình nguyện theo ND 61/2006/ND-CP - Thực hiện thí nghiệm										
27	- Kinh phí chi trả cho học sinh khối 12		200.000.000	141.300.000	240.000.000	200.000.000	777.800.000	862.400.000		798.900.000	
28	- Kinh phí cấp học phí năm học 2023-2026	1.067.040.000	2.552.715.000	529.875.000	138.150.000	629.100.000	1.112.400.000	1.818.720.000	137.250.000	1.857.600.000	177.975.000
29	- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2026	10.800.000	18.900.000	425.300.000	14.000.000	100.000.000	16.200.000	78.300.000	8.100.000	24.300.000	13.500.000
30	- Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật TTLT 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC - Chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện đi đường học tập năm học 2024-2025										
31	- Kinh phí hỗ trợ học sinh năm học 2023-2026 (ND 66/2023-ND-CP thực hiện ND 116/2016/ND-CP)			151.500.000		340.000.000					
32	- Kinh phí theo chương trình Nghị định 73/2014/ND-CP (M1 nguồn 18)	720.000.000	1.042.600.000	521.100.000	640.000.000	650.000.000	665.000.000	1.207.970.000	494.990.000	1.204.100.000	494.400.000
33	- Kinh phí thực hiện hợp theo ND 111/1999/ĐQ-HĐNT (M1 nguồn 18)	83.000.000	760.280.000	148.900.000	420.000.000	111.200.000	298.600.000		138.150.000	71.600.000	77.530.000
34	- Kinh phí trợ cấp tiền lương, trợ cấp chuyên môn theo Nghị định 76										
35	b. Loại 070 Khoản 094: Văn Phòng Sở										
36	- Kinh phí hoạt động chung ngành:										

Số thứ tự	Nội dung	THPT Nguyễn Huệ A	THCS&THPT Minh Hưng	THPT Lạc Hiệp	THPT Thống Nhất B	THPT Đa Kì	THPT Chu Văn An A	THPT Phước Bình	THPT Ngõ Quỳ A	THPT Hưng Vương	THPT Trần Phú A
37	* Kinh phí tổ chức các kỳ thi, hội thi lĩnh vực giáo dục đào tạo: Tài năng THPT, tuyển sinh vào lớp 10, học sinh giỏi, bồi dưỡng đội dự tuyển, đội tuyển học sinh giỏi tỉnh dự thi cấp quốc gia, đoàn học sinh thi cấp quốc gia và kinh phí khác thường xuyên, học sinh đạt giải, khoa học kỹ thuật, bồi dưỡng đội tuyển dự thi cấp quốc gia, đoàn học sinh thi cấp quốc gia, kinh phí khác thường và hỗ trợ dự án, ... và các cuộc thi khác trong năm, ... Ra đi và sao in để thi tuyển sinh lớp 10, kiểm tra học kỳ lớp 9, lớp 12, khảo sát chất lượng các môn thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông lần 1, lần 2, (thi thử tốt nghiệp)										
38	* Kinh phí bồi dưỡng, quản lý, khoản thiện lương tài năng THPT, THPT, Các chương trình khoa học, danh gia định lượng: Hội nghị chuyên gia về căn chỉnh giá ngoài các cấp học; Tập huấn hướng dẫn triển khai tài liệu giáo dục và phương các cấp THPT, THCS, THPT, Thực hiện nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên tiên học dạy học môn địa như và môn Mỹ thuật thông qua hoạt động giáo dục STEAM đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Thực hiện chương trình giáo dục địa phương các cấp THPT, THCS, THPT, Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện giáo dục STEM đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên, Kiểm tra tình hình thực hiện quy chế chuyên môn, chuyển đổi, ... học Giáo dục mầm non, Tổ chức Hội thi, Bồi dưỡng giáo viên ...										
39	* Kiểm định chất lượng: Kiểm tra công tác kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục; Kiểm tra chuyển môn các trường học cấp THPT, THCS, THPT, GDTX; Kiểm tra, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học; Kiểm tra thực tiễn đạt chuẩn trường phổ thông; Kiểm tra trường học Xanh - Sạch - Đẹp các cấp học; Kiểm tra tư vấn, hỗ trợ chuyển môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 các cấp học phổ thông và giáo dục thường xuyên; dạy 02 buổi/ngày; dạy tăng cường Ngoại ngữ và để an Ngoại ngữ tại các đơn vị; Kiểm tra chuyển môn các trung tâm Ngoại ngữ, Giáo dục kỹ năng sống, ...; Kiểm tra công nhận kết quả Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại các xã, phường, ...										
40	* Đánh giá "Công đồng học tập" cấp xã: "Đảm vị học tập" cấp tỉnh; Tập huấn cán bộ, giáo viên quản lý môn GDQP & AN các cấp học; lồng ghép nội dung GDQP & AN trong các trường THPT, THCS, Tập huấn lực lượng Dân quân tự vệ; công tác dân quân tự vệ, huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ; Hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng năng lực tư vấn hướng nghiệp, định hướng phân luồng và tư vấn hỗ trợ học nghiệp cho học sinh phổ thông (cấp THPT, THPT, tập huấn cho cán bộ, giáo viên sau khi tham gia các đợt tập huấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; Tập huấn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện Chương trình mức tiêu chuẩn quốc gia xây dựng nông thôn mới; Bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục cấp mầm non, phổ thông và quốc; Hội nghị sơ kết thực hiện nhiệm vụ Giáo dục phổ thông - Giáo dục thường xuyên; Hội nghị giáo viên cốt cán cấp THPT, THPT, Tham dự Hội thảo Khoa học về công tác GDQP & AN do Bộ GD&ĐT tổ chức; Hội nghị, tập huấn, chuyển đổi phục vụ công tác chuyển môn các cấp học trên toàn tỉnh; Hội nghị tổng kết nhiệm vụ năm học và triển khai nhiệm vụ năm học mới đến với các học học; Bồi dưỡng chính trị bộ; Hội nghị triển khai, tập huấn công tác tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng; Di công tác; tập huấn, hội nghị theo trụ sở của Bộ, đi công tác theo nhiệm vụ tại các xã, phường; các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; Thực hiện các nhiệm vụ chuyển môn được giao phải sinh theo văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của UBND tỉnh...										
41	* Tổ chức cấp tỉnh, tập huấn và tham gia các giải Thể dục - Thể thao cho học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức										